

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
Tỉnh Hậu Giang**

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày: 04-02-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Trung
2. Ông Võ Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Thạch D

Địa chỉ: Số 266 – 268 đường Nam Kỳ khởi N, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Võ Văn P – Phó Giám đốc Phòng giao dịch huyện Châu Thành A.

Địa chỉ: Ấp Tân P, thị trấn Cái T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
(có mặt)

2. Bị đơn: Lê Thị Bích T

Địa chỉ: 394B ấp Xáng Mới B, thị trấn Rạch G, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có anh Võ Văn Phước trình bày: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T (gọi tắt Ngân hàng) có ký kết với chị Lê Thị Bích T 03 hợp đồng tín dụng cụ thể:

Ngày 17/01/2018 chị T có ký kết với ngân hàng hợp đồng tín dụng số LD1801700777 vay 100.000.000 đồng, Lãi suất 0,65%/tháng, thời hạn vay 60 tháng. Hợp đồng này chị T còn nợ 75.010.000 đồng; tiền lãi trong hạn 13.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03/02/2021 là 3.361.740 đồng, lãi chậm trả 1.121.038 đồng.

Ngày 11/10/2018 chị T có ký kết với ngân hàng hợp đồng tín dụng số LD1828400839, vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng. Hợp đồng này chị T còn nợ 24.169.000 đồng; tiền lãi trong hạn 10.000.0000 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03/02/2021 là 4.309.888 đồng, lãi chậm trả 862.415 đồng.

Ngày 16/01/2014 chị T có ký kết với ngân hàng hợp đồng thẻ tín dụng vay cấp thẻ là 10.000.000 đồng. Hợp đồng này chị T còn nợ 4.562.438 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03/02/2021 là 4.309.888 đồng, lãi chậm trả 862.415 đồng.

Tại phiên tòa đại diện ngân hàng yêu cầu chị Lê Thị Bích T phải trả số tiền tiền gốc theo các hợp đồng cụ thể là:

Theo hợp đồng tín dụng số LD1801700777 ngày 17/01/2018 chị T có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền gốc là 75.010.000 đồng, tiền lãi trong hạn 13.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03/02/2021 là 3.361.740 đồng, lãi chậm trả 1.121.038 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng số LD1828400839 ngày 11/10/2018, chị T có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền gốc là 24.169.000 đồng, tiền lãi trong hạn 10.000.0000 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03/02/2021 là 4.309.888 đồng, lãi chậm trả 862.415 đồng.

Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 16/01/2014 chị T có nghĩa vụ trả tiền gốc là 4.562.438 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03/02/2021 là 2.775.708

đồng.

Bị đơn chị Lê Thị Bích T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ. Đối với chị Lê Thị Bích T được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Lê Thị Bích T phải trả số tiền cho ngân hàng cụ thể như sau:

Theo hợp đồng tín dụng số LD1801700777 ngày 17/01/2018 chị T có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền gốc là 75.010.000 đồng, tiền lãi trong hạn 13.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03/02/2021 là 3.361.740 đồng, lãi chậm trả 1.121.038 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng số LD1828400839 ngày 11/10/2018, chị Tuyền có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền gốc là 24.169.000 đồng, tiền lãi trong hạn 10.000.0000 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03/02/2021 là 4.309.888 đồng, lãi chậm trả 862.415 đồng.

Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 16/01/2014 chị T có nghĩa vụ trả tiền gốc là 4.562.438 đồng; tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03/02/2021 là 2.775.708 đồng.

Về án phí phía bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T có cho chị Lê Thị Bích T vay 03 hợp đồng tín dụng cụ thể: Ngày 17/01/2018 chị T có ký kết với ngân hàng hợp đồng tín dụng số LD1801700777; Ngày 11/10/2018 chị T có ký kết với ngân hàng hợp đồng tín dụng số LD1828400839; Ngày 16/01/2014 bà T có ký kết với ngân hàng hợp đồng thẻ tín dụng vay cấp thẻ là 10.000.000

đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện chị T phải trả tổng số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 03/02/2021 của 03 hợp đồng là 140.642.207 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/02/2021 cho đến khi chị T thực hiện hết các nghĩa vụ của hợp đồng. Đây là tranh chấp về quan hệ hợp đồng tín dụng được Bộ luật dân sự điều chỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do chị Lê Thị Bích T là người bị kiện (bị đơn) có địa chỉ cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét về thủ tục tố tụng*: Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn chị Lê Thị Bích T đã được Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật triệu tập chị T không đến Tòa án để tiến hành thu thập chứng cứ nhưng chị T không có mặt theo thông báo của Tòa án và cũng không có cung cấp chứng cứ chứng minh sự vắng mặt của chị là có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 xét xử vắng mặt chị T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T - Chi nhánh Hậu Giang – Phòng giao dịch huyện Châu Thành A với chị Lê Thị Bích T có ký kết 03 hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Ngày 17/01/2018 chị T có ký kết với ngân hàng hợp đồng tín dụng số LD1801700777 vay 100.000.000 đồng, lãi suất 0,65%/tháng (lãi suất có thể biến động theo thị trường) thời hạn vay 60 tháng. Chị T nhận tiền ngày 17/01/2018, thời hạn trả nợ đến ngày 17/01/2023, mục đích vay để tiêu dùng. Quá trình vay chị T đã thanh toán cho ngân hàng số tiền vốn gốc là 24.990.000 đồng. Hợp đồng này chị T còn nợ ngân hàng tiền gốc là 75.010.000 đồng; tiền lãi trong hạn 13.650.000 đồng, quá hạn tạm tính đến ngày 03/02/2021 là 3.452.523 đồng, lãi chậm trả 1.151.301 đồng.

Ngày 11/10/2018 chị T có ký kết với ngân hàng hợp đồng tín dụng số LD1828400839, vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng. Hợp đồng này chị T còn nợ 24.169.000 đồng, tiền lãi trong hạn 10.500.0000 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03/2/2021 là 4.426.311 đồng, lãi chậm trả 885.616 đồng.

Ngày 16/01/2014 chị T có ký kết với ngân hàng hợp đồng thẻ tín dụng

vay cấp thẻ là 10.000.000 đồng. Hợp đồng này chị T còn nợ 4.562.438 đồng. Tiền lãi quá hạn 2.835.018 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng chị T đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện chị T phải trả số tiền vốn và tiền lãi tạm tính đến ngày 03/02/2021 của 03 hợp đồng là 140.642.207 đồng và tiền lãi phát sinh theo 03 hợp đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 “2. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.”. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên chị Lê Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần tiền buộc phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng là 140.642.207 đồng. Cụ thể phần tiền án phí chị T phải chịu là: $5\% \times 140.642.207 \text{ đồng} = 7.032.110 \text{ đồng}$. Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T được nhận tại tiền tạm ứng án phí án phí sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí phía bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Điều Luật 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T.

1. Buộc chị Lê Thị Bích T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T số tiền vốn theo hợp đồng tín dụng số LD1801700777 ngày 17/01/2018 là 75.010.000 đồng, tiền lãi trong hạn 13.650.000 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03/02/2021 là 3.452.523 đồng, tiền lãi chậm trả 1.151.301 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/02/2021 theo hợp đồng tín dụng số LD1801700777 ngày 17/01/2018 đến khi chị T thực hiện hết nghĩa vụ theo hợp đồng; Tiền vốn theo hợp đồng tín dụng số

LD1828400839 ngày 11/10/2018 là 24.169.000 đồng, tiền lãi trong hạn 10.500.0000 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03/02/2021 là 4.426.311 đồng, tiền lãi chậm trả 885.616 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/02/2021 theo hợp đồng tín dụng số LD1828400839 ngày 11/10/2018 cho đến khi chị T thực hiện hết nghĩa vụ theo hợp đồng; Tiền vốn theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 16/01/2014 (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 16/01/2014) là 4.562.438 đồng, tiền lãi quá hạn 2.835.018 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/02/2021 theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 16/01/2014 đến khi chị T thực hiện hết nghĩa vụ theo hợp đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị Bích T phải chịu 7.032.110 đồng. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 3.200.000 đồng theo biên lai số 0005620 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Đua